

CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH VAY VỐN CỦA CHỦ HỘ MỚI THOÁT NGHÈO TẠI VIỆT NAM

● NGUYỄN TRỌNG NHÂN - PHẠM TUẤN ANH

TÓM TẮT:

Nghiên cứu này được thực hiện với mục đích khảo sát ảnh hưởng của "Hiểu biết tài chính cá nhân" tới "Xác suất sử dụng dịch vụ cho vay của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam" và "Xác suất sử dụng dịch vụ cho vay tư nhân không chính thức", với đối tượng khảo sát là các chủ hộ gia đình mới thoát nghèo tại Việt Nam. Các kết quả nghiên cứu là cơ sở cho các hàm ý quản trị cũng như các khuyến nghị chính sách, nhằm thúc đẩy hiểu biết tài chính của các chủ hộ mới thoát nghèo, khuyến khích họ tiếp cận các dịch vụ cho vay chính sách từ Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam (NHCSXHVN), đồng thời giúp họ tránh xa các dịch vụ cho vay tư nhân không chính thức, bằng cách đó giúp họ giảm nghèo và phát triển bền vững kinh tế hộ gia đình.

Từ khóa: quyết định vay vốn, chủ hộ mới thoát nghèo, Việt Nam.

1. Đặt vấn đề

Hiểu biết tài chính của mỗi cá nhân ngày càng thể hiện tầm quan trọng trong cuộc sống hiện đại. Có thể thấy, trong mọi lĩnh vực kinh tế và hoạt động tài chính, việc một người có hiểu biết về tài chính hay không sẽ giúp ích rất nhiều trong việc giải thích các hành vi kinh tế cũng như các quyết định tài chính khác nhau, bởi lẽ cùng với nhiều yếu tố khác, việc ra quyết định của mỗi cá nhân ngày càng được định hình rõ ràng nhờ hiểu biết tài chính của họ. Đồng thời, theo thời gian, các cá nhân ngày càng có xu hướng chủ động hơn và có ý thức trách nhiệm hơn trong việc lập kế hoạch tài chính. Trên thực tế, xu hướng gia tăng trách nhiệm đó có thể xuất phát từ nhu cầu của mỗi người về việc tự bảo vệ bản thân và gia đình trước các cuộc khủng hoảng mà trong đó, những đối tượng yếu thế thường chịu thiệt hại chủ yếu do sự ngây thơ và thiếu kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính.

2. Thiết kế nghiên cứu

Hai kênh vay vốn phổ biến được các chủ hộ mới thoát nghèo ở khu vực nông thôn thường tiếp cận bao

gồm: (i) vay vốn từ NHCSXHVN và (ii) vay vốn từ các kênh cho vay không chính thức.

Dựa trên các kết quả tổng quan các công trình nghiên cứu có liên quan, qua thảo luận nhóm với các chuyên viên tín dụng và lãnh đạo có kinh nghiệm thuộc NHCSXHVN, mô hình nghiên cứu ảnh hưởng của hiểu biết tài chính đến quyết định vay vốn từ NHCSXHVN của chủ hộ mới thoát nghèo được xác lập như sau:

$$\ln \frac{P(QD_{VBSP} = 1)}{P(QD_{VBSP} = 0)} = \beta_0 + \beta_i FL_i + \beta_j CV_j \quad (1)$$

Đồng thời, mô hình nghiên cứu ảnh hưởng của hiểu biết tài chính đến quyết định của chủ hộ mới thoát nghèo vay vốn từ các kênh cho vay tư nhân không chính thức, được xác lập như sau:

$$\ln \frac{P(QD_{KCT} = 1)}{P(QD_{KCT} = 0)} = \beta_0 + \beta_i FL_i + \beta_j CV_j \quad (1)$$

Trong đó:

$P(QD_{VBSP} = 1) = P_{0_VBSP}$ là xác suất chủ hộ mới thoát nghèo vay NHCSXHVN

$P(QD_{VBSP} = 0) = 1 - P_{0_VBSP}$ là xác suất chủ hộ mới thoát nghèo không vay NHCSXHVN

$P(QD_{KCT} = 1) = P_{0_KCT}$ là xác suất chủ hộ mới thoát nghèo vay qua các kênh cho vay không chính thức

$P(QD_{KCT} = 0) = 1 - P_{0_KCT}$ là xác suất chủ hộ mới thoát nghèo không vay qua các kênh cho vay không chính thức

Ln Log của cơ số e ($e=2,714$)

β_0 Tung độ gốc

β_i Hệ số hồi quy của biến hiểu biết tài chính FL_i

β_j Hệ số hồi quy của biến ảnh hưởng CV_j

Các biến giải thích được thiết kế dựa trên kết quả phân tích tổng quan nghiên cứu và thảo luận chuyên gia, thể hiện trong Bảng 1.

Các biến quan sát thể hiện FL_i được đánh giá thông qua bộ câu hỏi trắc nghiệm từ dễ đến khó, kiểm tra bằng trắc nghiệm khách quan yêu cầu đáp viên trả lời, mỗi biến FL_i gồm một tập hợp câu hỏi với 4 lựa chọn và chỉ có 1 đáp án đúng, mỗi câu trả lời đúng được 1 điểm và biến FL_i nhận giá trị là điểm trung bình của bộ câu hỏi thành phần và quy đổi trên thang điểm 5, do vậy, FL_i nhận giá trị là số dương, liên tục và trong khoảng từ 1 đến 5. Để khắc phục tình trạng có đáp viên nhận điểm 0 cho các khía cạnh khảo sát về hiểu biết tài chính, các trường hợp có

điểm 0 và điểm được 1 đều được thống nhất quy đổi mức điểm 1 (giá trị thấp nhất trong thang đo khoảng từ 1 đến 5).

Các biến thể hiện tiêu chí phân nhóm định tính được thiết kế dựa trên kết quả phân tích tổng quan nghiên cứu và thảo luận chuyên gia, thể hiện trong Bảng 2.

• *Giả thuyết nghiên cứu:*

H_1 : FL_i có ảnh hưởng thuận chiều có ý nghĩa thống kê tới P_{0_VBSP}

H_2 : FL_i có ảnh hưởng ngược chiều có ý nghĩa thống kê tới P_{0_KCT}

Nghiên cứu sử dụng kỹ thuật khảo sát “Phi ngẫu nhiên thuận tiện”, dựa trên danh sách địa chỉ email và số điện thoại của các chủ hộ mới thoát nghèo được cung cấp bởi các chuyên viên tín dụng của NHCSXHVN, các đầu mối hội đoàn thể kết nối và tư vấn cho các chủ hộ mới thoát nghèo đã và đang tham gia các chương trình cho vay liên quan tới NHCSXHVN. Tổng số phiếu khảo sát được gửi đi là 250 phiếu, kết quả thu được kích thước mẫu là 186 người có câu trả lời.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Kết quả phân tích thống kê mô tả

Kết quả phân tích thống kê mô tả các biến FL_i cho thấy hầu hết các khía cạnh phản ánh hiểu biết tài chính cá nhân đều đạt điểm trung bình khoảng quanh mức 3 trên 5 điểm tối đa, nghĩa là ở mức trung bình khá (trong khoảng ý nghĩa từ 2.61 đến 3.40). Trong đó, điểm trung bình của tiêu chí Kiến thức tài chính cá nhân đạt mức cao nhất (trung bình là trên 3.99, nằm trong khoảng ý nghĩa từ 3.41 tới 4.2) với độ lệch chuẩn 0.88. Các tiêu chí thể hiện Thái độ tài chính, Kỹ năng tài chính và Hành vi tài chính cá nhân thì nhận giá trị trung bình thấp hơn, nhưng lại có độ lệch chuẩn cao hơn, phản ánh sự không đồng nhất về hiểu biết tài chính theo từng khía cạnh giữa các đáp viên tham gia khảo sát. Sự khác biệt đó sẽ được khai thác và bình luận sâu hơn trong phần phân tích sự khác biệt về giá trị trung bình FL_i giữa các nhóm phân theo tiêu chí nhân khẩu và xã hội học (CV_j). (Bảng 3)

Bảng 1. Danh mục biến giải thích

Biến số	Mã hóa	Thang đo	Đo lường
Kiến thức tài chính	FL1	Liên tục, 5 bậc	Trắc nghiệm khách quan
Thái độ tài chính	FL2	Liên tục, 5 bậc	Trắc nghiệm khách quan
Kỹ năng tài chính	FL3	Liên tục, 5 bậc	Trắc nghiệm khách quan
Hành vi tài chính	FL4	Liên tục, 5 bậc	Trắc nghiệm khách quan

Nguồn: Thiết kế nghiên cứu của tác giả

Bảng 2. Danh mục biến phân nhóm định tính

Biến số	Mã hóa	Thang đo	Thu thập
Giới tính	Gen	Nhị phân	Hồ sơ đáp viên
Nhóm tuổi	Age	Định danh	Khảo sát
Tình trạng hôn nhân	Mar	Định danh	Khảo sát
Vai trò trong gia đình	Rol	Định danh	Khảo sát
Nghề nghiệp	Car	Định danh	Khảo sát
Học vấn	Edu	Định danh	Khảo sát
Tôn giáo	Rel	Định danh	Khảo sát
Số năm thoát nghèo	Year	Số nguyên dương	Khảo sát

Nguồn: Thiết kế nghiên cứu của tác giả

Bảng 3. Thống kê mô tả các biến FL_i

Biến số	Tổng số quan sát	Thấp nhất	Cao nhất	Trung bình	Độ lệch
Kiến thức tài chính cá nhân (FL_1)	186	1.00	5.00	3.9928	.88230
Thái độ tài chính cá nhân (FL_2)	186	1.00	5.00	3.3699	1.00891
Kỹ năng tài chính cá nhân (FL_3)	186	1.00	5.00	2.9527	1.06782
Hành vi tài chính cá nhân (FL_4)	186	1.00	5.00	3.2903	1.16360

Nguồn: Trích kết quả xử lý dữ liệu khảo sát

3.2. Phân tích sự khác biệt về FL_i giữa các nhóm phân theo CV_j

• Sự khác biệt giữa các nhóm giới tính:

Kết quả phân tích sự khác biệt về FL_i giữa nhóm đáp viên nam và nữ theo kỹ thuật OneWay ANOVA cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê trong kết quả đo lường kỹ năng tài chính cá nhân và hành vi tài chính cá nhân, trong đó, về giá trị trung bình, các nữ chủ hộ mới thoát nghèo có kỹ năng tài chính và hành vi tài chính đều cao hơn so với các nam chủ hộ mới thoát nghèo. Đặc biệt, hành vi tài chính cá nhân của nữ chủ hộ mới thoát nghèo cao hơn so với nam chủ hộ một mức ý nghĩa (khoảng ý nghĩa từ 3.41-4.2 so với khoảng ý nghĩa từ 2.61-3.4). Sự khác biệt đó có thể được giải thích do đặc thù vai trò, vị trí và sự quan tâm của phụ nữ tới các vấn đề tài chính, cụ thể là thực hành kỹ năng và hành vi tài chính, đặc biệt là tài chính ở khu vực nông thôn đối với các chủ hộ mới thoát nghèo thường cao hơn so với nam giới. (Bảng 4)

• Sự khác biệt giữa các nhóm tuổi: (Bảng 5)

Kết quả phân tích sự khác biệt về FL_i giữa các nhóm tuổi theo kỹ thuật OneWay ANOVA phát hiện thấy sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về Kiến thức tài chính; Thái độ tài chính và Hành vi tài chính. Trong đó, về giá trị trung bình, Kiến thức tài chính của nhóm đáp viên trong độ tuổi từ 30 đến 39 đạt mức cao nhất (trên 4.2), trong khi kiến thức tài chính của nhóm tuổi từ 18 đến 19 đạt mức thấp nhất (xấp xỉ 3 điểm). Điểm hiểu biết tài chính có xu hướng tăng khi tuổi gia tăng nhưng suy giảm ở nhóm trên 60 tuổi. Nhóm có

điểm trung bình Thái độ tài chính cao nhất là nhóm chủ hộ mới thoát nghèo trong độ tuổi từ 50 đến 59 (gần mức 4.2 điểm). Các nhóm đáp viên dưới 20 tuổi và trên 60 tuổi có điểm thái độ tài chính thấp (dưới 2 điểm). Sự khác biệt về điểm trung bình Hành vi tài chính cũng tương tự như đối với điểm trung bình về

Thái độ tài chính. Thực tế đó có thể được giải thích bởi theo thời gian, khi tuổi tăng lên, các chủ hộ mới thoát nghèo cũng có tích lũy tốt hơn không chỉ ở kiến thức tài chính cá nhân, mà còn trong thái độ, kỹ năng và hành vi tài chính cá nhân, tuy nhiên khi tuổi cao, cả hiểu biết, thái độ và kỹ năng tài chính cá nhân đều có xu hướng suy giảm.

• Sự khác biệt giữa các nhóm phân theo tình trạng hôn nhân

Kết quả phân tích sự khác biệt về FL_i giữa các đáp viên hiện đang độc thân và các đáp viên hiện

Bảng 4. Sự khác biệt về FL_i giữa các nhóm giới tính

Giới tính	Số lượng	Kiến thức tài chính	Thái độ tài chính	Kỹ năng tài chính	Hành vi tài chính
Nam	76	3.8859	3.3211	2.7368	3.0158
Nữ	110	4.0667	3.4036	3.1018	3.4800
Tổng cộng	186	3.9928	3.3699	2.9527	3.2903
Sig		0.170	0.585	0.022*	0.007*

Nguồn: Trích kết quả xử lý dữ liệu khảo sát

Bảng 5. Sự khác biệt về FL_i các nhóm tuổi

Nhóm tuổi	Số lượng	Kiến thức tài chính	Thái độ tài chính	Kỹ năng tài chính	Hành vi tài chính
Từ 18-19 tuổi	4	2.9983	1.9000	2.1000	1.8000
Từ 20-29 tuổi	26	4.0000	3.0769	2.8308	3.3385
Từ 30-39 tuổi	82	4.2520	3.7073	3.1122	3.3951
Từ 40-49 tuổi	62	3.7742	3.1419	2.8323	3.2387
Từ 50-59 tuổi	8	3.7500	4.1000	3.2000	3.7500
Từ 60-69 tuổi	4	3.5000	1.9000	2.7000	2.2000
Tổng cộng	186	3.9928	3.3699	2.9527	3.2903
Sig		0.003*	0.00*	0.292	0.031*

Nguồn: Trích kết quả xử lý dữ liệu khảo sát

đang có gia đình theo kỹ thuật OneWay ANOVA chỉ tìm thấy sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về kiến thức tài chính, trong đó về giá trị trung bình, những đáp viên có gia đình có kiến thức tài chính cao hơn so với nhóm chủ hộ mới thoát nghèo hiện đang độc thân. Thực tế này phần nào dễ giải thích do các chủ hộ hiện đang có gia đình có động lực tìm hiểu và kinh nghiệm nhiều hơn so với các chủ hộ mới thoát nghèo hiện còn đang độc thân. (Bảng 6)

• *Sự khác biệt giữa các nhóm phân theo vai trò trong gia đình*

Kết quả phân tích sự khác biệt về giá trị trung bình của FL_i giữa các nhóm đáp viên thuộc vị trí (vai trò) trong gia đình tạo ra một phát hiện mở rộng cho thấy theo kỹ thuật OneWay ANOVA, nghiên cứu tìm thấy sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ở khía cạnh Thái độ tài chính, Kỹ năng tài chính và Hành vi tài chính. Cụ thể, theo mức độ vai trò quan trọng của đáp viên, mức độ Thái độ tài chính, Kỹ năng tài chính và Hành vi tài chính có sự khác biệt và tăng dần theo vị trí chủ chốt về nguồn thu nhập và đóng góp trong gia đình. Chủ hộ mới thoát nghèo là lao động chính và tạo nguồn thu nhập chính trong gia đình thì có Thái độ tài chính, Kỹ năng tài chính và Hành vi tài chính cao hơn so với người tham gia đóng góp vào thu nhập chung của gia đình và cả 2 nhóm tuần tự đều cao hơn so với người phụ thuộc. (Bảng 7)

• *Sự khác biệt giữa các nhóm phân theo tình trạng nghề nghiệp*

Kết quả phân tích sự khác biệt về giá trị trung bình của FL và SFL giữa các đáp viên thuộc các nhóm phân theo tình trạng nghề nghiệp hiện tại cho

Bảng 6. Sự khác biệt về FL_i theo tình trạng hôn nhân

Tình trạng hôn nhân	Số lượng	Kiến thức tài chính	Thái độ tài chính	Kỹ năng tài chính	Hành vi tài chính
Độc thân	30	3.5998	3.0533	3.0400	3.2533
Có gia đình	156	4.0684	3.4308	2.9359	3.2974
Tổng cộng	186	3.9928	3.3699	2.9527	3.2903
Sig		0.007*	0.060	0.626	0.850

Nguồn: Trích kết quả xử lý dữ liệu khảo sát

thấy theo kỹ thuật OneWay ANOVA, nghiên cứu tìm thấy sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về Kiến thức tài chính và Thái độ tài chính cá nhân. (Bảng 8)

Trong đó, nhóm đáp viên đang làm nghề phi nông nghiệp có điểm trung bình về Kiến thức tài chính và Thái độ tài chính đều cao hơn các nhóm khác, điểm trung bình thấp ở cả hai khía cạnh đối với nhóm làm việc thuần nông. Một phát hiện thú vị là nhóm đáp viên không có việc làm ổn định lại có điểm trung bình Kiến thức tài chính và Thái độ tài chính khá tốt, chỉ sau nhóm đáp viên làm nghề phi nông nghiệp. Thực tế đó cho thấy, các chủ hộ hành nghề kết hợp hoặc phi nông nghiệp có lợi thế hơn so với các chủ hộ mới thoát nghèo thuần nông, các chủ hộ chưa có việc làm ổn định có động lực để không ngừng tìm hiểu, cập nhật kiến thức và chuẩn bị thái độ tài chính tích cực, cho kết quả khá khả quan.

• *Sự khác biệt giữa các nhóm phân theo trình độ học vấn*

Kết quả phân tích theo kỹ thuật OneWay ANOVA cho thấy sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về Kiến thức tài chính và Thái độ tài chính giữa các nhóm đáp viên phân theo trình độ học vấn, trong đó nhóm chủ hộ mới thoát nghèo có trình độ học vấn

Bảng 7. Sự khác biệt về FL_i theo vai trò trong gia đình

Vai trò trong gia đình	Số lượng	Kiến thức tài chính	Thái độ tài chính	Kỹ năng tài chính	Hành vi tài chính
Là lao động chính, nguồn thu nhập chính quan trọng nhất trong gia đình	80	3.8500	3.5450	3.2800	3.6800
Là người tham gia đóng góp vào thu nhập của gia đình	74	4.0540	3.3243	2.9676	3.3081
Là người phụ thuộc	32	4.2083	3.0375	2.1000	2.2750
Tổng cộng	186	3.9928	3.3699	2.9527	3.2903
Sig		0.113	0.048*	0.000*	0.000*

Nguồn: Trích kết quả xử lý dữ liệu khảo sát

cao hơn cũng có Kiến thức tài chính và Thái độ tài chính ở mức tốt hơn. Kết quả đánh giá về FL1 và FL2 thấp nhất thuộc về nhóm mới chỉ học hết cấp 1, tuy vậy, điểm trung bình của FL1 và FL2 cũng không có sự khác biệt nhiều giữa các nhóm đáp viên có trình độ từ cấp 3 trở lên, điều này phần nào cho thấy ảnh hưởng của giáo dục phổ thông có tác động tới Kiến thức tài chính và Thái độ tài chính rõ nét hơn là các biện pháp đào tạo từ trung cấp trở lên. (Bảng 9)

• *Sự khác biệt giữa các nhóm phân theo tôn giáo*

Kết quả phân tích sự khác biệt giữa các chủ hộ mới thoát nghèo theo Phật giáo và phần còn lại trong mẫu khảo sát cho thấy theo kỹ thuật OneWay ANOVA, nghiên cứu tìm thấy sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về điểm trung bình đánh giá Thái độ tài chính và Kỹ năng tài chính, trong đó nhóm đáp viên không theo tôn giáo thể hiện cả hai khía cạnh đều có điểm trung bình cao hơn. Kết quả này cũng mang hàm ý, để thúc đẩy việc cải thiện hiểu biết tài chính cho các chủ hộ mới thoát nghèo, các biện pháp hỗ trợ, tư vấn cần được thiết kế và thực thi với mức độ tăng cường cao hơn đối với các chủ hộ mới thoát nghèo theo Phật giáo liên quan tới Thái độ và kỹ năng tài chính cá nhân. (Bảng 10)

• *Sự khác biệt giữa các nhóm phân theo số năm thoát nghèo*

Kết quả phân tích cho thấy sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về điểm trung bình Kiến thức tài chính và Hành vi tài chính, trong đó, với nỗ lực tìm hiểu và nâng cao hiểu biết tài chính trong giai đoạn

Bảng 8. Sự khác biệt về FL_i theo tình trạng nghề nghiệp

Tình trạng nghề nghiệp	Số lượng	Kiến thức tài chính	Thái độ tài chính	Kỹ năng tài chính	Hành vi tài chính
Không có việc làm ổn định	50	3.9600	3.3600	2.9840	3.4000
Làm việc thuần nông	14	3.5238	2.7429	2.6857	3.0286
Làm nông kết hợp nghề khác	32	3.5831	3.0750	2.7875	2.9500
Làm nghề phi nông nghiệp	90	4.2296	3.5778	3.0356	3.3911
Total	186	3.9928	3.3699	2.9527	3.2903
Sig		0.000*	0.007*	0.530	0.207

Nguồn: Trích kết quả xử lý dữ liệu khảo sát

Bảng 9. Sự khác biệt về FL_i theo trình độ học vấn

Nhóm tuổi	Số lượng	Kiến thức tài chính	Thái độ tài chính	Kỹ năng tài chính	Hành vi tài chính
Cấp 1	2	2.0000	1.0000	3.4000	2.2000
Cấp 2	14	3.2857	2.8857	2.6571	3.0000
Cấp 3	44	3.6211	3.3273	2.9000	3.2000
Trung cấp	10	3.4000	3.3600	3.2400	3.4400
Cao đẳng - Đại học	100	4.3067	3.4520	2.9640	3.3520
Trên đại học	16	3.9167	3.7000	3.0500	3.4500
Tổng cộng	186	3.9928	3.3699	2.9527	3.2903
Sig		0.000*	0.004*	0.796	0.607

Nguồn: Trích kết quả xử lý dữ liệu khảo sát

Bảng 10. Sự khác biệt về FL_i của các nhóm theo tiêu chí tôn giáo

Tôn giáo	Số lượng	Kiến thức tài chính	Thái độ tài chính	Kỹ năng tài chính	Hành vi tài chính
Không	170	4.0078	3.4141	3.5200	3.3035
Phật giáo	16	3.8333	2.9000	2.4500	3.1500
Tổng cộng	186	3.9928	3.3699	2.9527	3.2903
Sig		0.451	0.005*	0.004*	0.615

Nguồn: Trích kết quả xử lý dữ liệu khảo sát

sử dụng vốn hỗ trợ thoát nghèo, các chủ hộ mới ra khỏi danh sách trong thời gian 1 năm có giá trị trung bình cao hơn so với nhóm ra khỏi danh sách trong thời gian 2 năm. Điều này phần nào cho thấy thực tế, không phải cứ thành công trong việc thoát khỏi danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo cũng có nghĩa là FL_i được cải thiện về giá trị trung bình. Điểm trung bình FL1 và FL4 của các chủ hộ ra khỏi danh sách hộ nghèo 2 năm thấp hơn so với các chủ hộ ra khỏi danh sách hộ nghèo trong thời gian 3 năm, cũng chính là

các đối tượng sẽ sớm không còn hưởng các chính sách cho vay ưu đãi từ NHCSXHVN, sẽ nhanh chóng tiệm cận với các áp lực của việc sử dụng các dịch vụ tài chính thương mại. Điều này hàm ý cần đẩy mạnh các biện pháp nhằm cải thiện Kiến thức tài chính cá nhân và Hành vi tài chính cá nhân một cách bền vững cho các chủ hộ gia đình ngay từ những năm đầu hộ gia đình ra khỏi danh sách hộ nghèo để có thể giúp hộ thoát nghèo và tăng cường kinh tế hộ gia đình một cách bền vững. (Bảng 11)

Đồng thời, kết hợp với việc xử lý các biến kiểm soát trong mô hình nghiên cứu, có thể kết luận “Thái độ tài chính cá nhân”, “Hành vi tài chính cá nhân” và “Tình trạng nghề nghiệp” có ảnh hưởng thuận chiều tới xác suất lựa chọn vay NHCSXHVN của chủ hộ mới thoát nghèo bao gồm trong khi “Nhóm tuổi”, “Trình độ học vấn” và “Số năm ra khỏi danh sách hộ nghèo/hộ cận nghèo” có tác động ngược chiều tới xác suất lựa chọn vay NHCSXHVN của chủ hộ mới thoát nghèo trong phạm vi khảo sát.

Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy “Thái độ tài chính cá nhân”, “Hành vi tài chính cá nhân”, “Trình độ học vấn” và “Số năm ra khỏi danh sách hộ nghèo/hộ cận nghèo” có tác động ngược chiều tới xác suất chủ hộ mới thoát nghèo lựa chọn vay các kênh tín dụng không chính thức trong khi tác động thuận chiều ở mức độ nhỏ được ghi nhận bởi sự gia tăng biến số “Nhóm tuổi” của các đáp viên trong phạm vi khảo sát. (Bảng 12)

4. Kết luận

Do điều kiện khảo sát trực tuyến, bảng hỏi khảo sát chủ yếu được giới hạn ở những thông tin khá đơn giản, với các câu hỏi dạng cấu trúc. Việc thiếu vắng các câu hỏi mở và không có điều kiện trao đổi, phỏng vấn trực tiếp chủ hộ mới thoát nghèo có thể dẫn tới việc bỏ sót các thông tin thú vị, các phát

Bảng 11. Sự khác biệt về FL_i theo số năm ra khỏi danh sách hộ nghèo

Số năm ra khỏi danh sách hộ nghèo	Số lượng	Kiến thức tài chính	Thái độ tài chính	Kỹ năng tài chính	Hành vi tài chính
1 năm	94	4.0283	3.3915	2.8809	3.1787
2 năm	38	3.3889	3.0833	2.8167	3.1000
3 năm	54	4.3111	3.5185	3.1704	3.5704
Tổng cộng	186	3.9651	3.3884	2.9628	3.2907
Sig		0.002*	0.194	0.217	0.009*

Nguồn: Trích kết quả xử lý dữ liệu khảo sát

Bảng 12. Kết quả xử lý dữ liệu khảo sát

FL ₂ có ảnh hưởng thuận chiều có ý nghĩa thống kê tới P _{0_VBSP}	Chấp thuận	FL ₂ có ảnh hưởng ngược chiều có ý nghĩa thống kê tới P _{0_KCT}	Chấp thuận
FL ₃ có ảnh hưởng thuận chiều có ý nghĩa thống kê tới P _{0_VBSP}	N/A	FL ₃ có ảnh hưởng ngược chiều có ý nghĩa thống kê tới P _{0_KCT}	N/A
FL ₄ có ảnh hưởng thuận chiều có ý nghĩa thống kê tới P _{0_VBSP}	Chấp thuận	FL ₄ có ảnh hưởng ngược chiều có ý nghĩa thống kê tới P _{0_KCT}	Chấp thuận

Nguồn: Tóm lược từ kết quả xử lý dữ liệu khảo sát

hiện liên quan tới những yếu tố mới mà trong các nghiên cứu tiền nghiệm chưa được đề cập. Hạn chế đó cũng dẫn tới quá trình xử lý dữ liệu nghiên cứu chưa đáp ứng yêu cầu kết hợp việc khai thác sâu sự khác biệt giữa các nhóm đáp viên phân theo những tiêu chí định tính, phối hợp, với khai thác các cơ sở dữ liệu hữu ích như kết quả khảo sát mức sống hộ gia đình (Vietnam Household Living Standard Survey - VHLSS) cũng như các nghiên cứu tình huống đặc thù có liên quan. Những hạn chế đó đồng thời cũng gợi ý về hướng tiếp tục phát triển nghiên cứu cùng chủ đề về mở rộng và phát triển dữ liệu nghiên cứu, định hướng khai thác sâu hơn các khía cạnh cá nhân liên quan tới hiểu biết tài chính và tiếp cận tài chính toàn diện của chủ hộ mới thoát nghèo, cũng như việc sử dụng thêm các kỹ thuật phân tích dữ liệu phù hợp nhằm có thêm nhiều khám phá và hàm ý hữu ích trong tương lai ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- Huston (2010). Measuring Financial Literacy, *Journal of Consumer Affairs*, Vol. 44, No. 2.

2. Lusardi & Mitchell (2008). *Planning and financial literacy: How do women fare?*, National Bureau of Economic Research, NBER Working Paper Series, Working Paper 13750.
3. Mandell & Klein (2009). The impact of financial literacy education on subsequent financial behavior, *Journal of Financial Counseling and Planning*, Vol. 20, Iss.1.
4. Robb & Woodyard (2011). Financial knowledge and best practice behavior, *Journal of Financial Counseling and Planning*, Vol. 22, Iss.1.
5. Peng. et al. (2017). *Financial literacy - Literature review and research directions*, Conference Paper, 6th Business & Management Conference, Geneva.
6. Servon & Kaestner (2008). Consumer financial literacy and the impact of online banking on the financial behavior of lower-income bank customers, *Journal of Consumer Affairs*, Vol. 42, No. 2.
7. Sharabani (2012.) The effect of financial literacy and emotions on ýntent to control personal budget: a study among ýsraeli college students, *International Journal of Economic Finance*, Vol. 4, No.9.
8. Thủ tướng Chính Phủ (2015), *Quyết định số 28/2015/QĐ-TTg về tín dụng đối với hộ nghèo*, Hà Nội, Việt Nam.
9. Xiao, J.J. et al., (2014). Earlier financial literacy and later financial behaviour of college students. *International Journal of Consumer Studies*, 38(6).

Ngày nhận bài: 7/1/2023

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 7/2/2023

Ngày chấp nhận đăng bài: 15/2/2023

Thông tin tác giả:

1. NGUYỄN TRỌNG NHÂN¹

2. PHẠM TUẤN ANH¹

¹**Trường Đại học Thương mại**

FACTORS AFFECTING THE DECISION OF HEADS OF HOUSEHOLDS THAT HAVE RECENTLY ESCAPED FROM POVERTY TO BORROW MONEY IN VIETNAM

● **NGUYEN TRONG NHAN¹**

● **PHAM TUAN ANH¹**

¹**Thuongmai University**

ABSTRACT:

This study is to explore the impact of personal financial literacy on the probability of borrowing money from Vietnam's Social Policy Bank and the probability of borrowing money from unofficial private credit channels. The study's research object is heads of households that have recently escaped from poverty in Vietnam. This study is expected to provide a basis for management implications as well as policy recommendations to promote the financial literacy of households that have recently escaped poverty, encourage them to access loans from Vietnam's Social Policy Bank and keep them away from unofficial private credit channels. As a result, it can contribute to reducing poverty and promote sustainable economic development of households in Vietnam.

Keywords: decision to borrow money, head of household that have recently escaped from poverty, Vietnam.